

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức
xen ghép thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,
giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày
01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy
định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương
02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường về hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu
quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm
vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 02/2026/TT-BD TTG, ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về hướng dẫn một số nội dung hợp phần thứ hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 31/01/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 417/QĐ-BNNMT phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình). Các bộ, ngành Trung ương đã ban hành Thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, tại các Thông tư: số 02/2026/TT-BD TTG ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan chưa quy định cụ thể mức hỗ trợ ngân sách nhà nước hỗ trợ nhà ở, đất ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép trong thực hiện Chương trình.

Tại khoản 18, Điều 4 Thông tư số 60/2026/TT-BTC, ngày 31/5/2026 quy định: *“18. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ, nội dung, mức chi chưa được quy định tại các văn bản hiện hành và tại Thông tư này, căn cứ hướng dẫn của chủ Chương trình và chủ nội dung thành phần, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc phân cấp quyết định nội dung và mức chi cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.”*

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên áp dụng theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân sinh sống tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và mức hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5, 6 Thông tư: số 02/2026/TT-BD TTG ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, cụ thể:

2.1. Hỗ trợ đất ở

Các hộ không có đất ở, thiếu đất ở so với hạn mức quy định hoặc đã được hỗ trợ đất từ trước ngày 31/5/2021 nhưng đến nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức quy định, gồm:

a) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP; ưu tiên hộ thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong 36 tháng kể từ thời điểm được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo, hộ sinh sống tại khu vực có nguy cơ thiên tai, sạt lở, thiếu an toàn về đất ở;

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2.2. Hỗ trợ nhà ở

Các hộ chưa có nhà ở, nhà ở bị đột nát, hư hỏng hoặc đã được hỗ trợ nhà ở nhưng đến nay không còn nhà ở hoặc nhà ở bị đột nát, hư hỏng, gồm:

a) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

d) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan .

2.3. Hỗ trợ bố trí ổn định dân cư

Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện được bố trí ổn định theo hình thức xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ đồng bào DTTS còn du canh, du cư;

b) Hộ gia đình, cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

c) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư;

d) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 6 điều được trình bày bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức chi hỗ trợ

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

IV. CĂN CỨ ÁP DỤNG TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn được áp dụng trong trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Cụ thể:

Hiện nay theo tổng hợp báo cáo của các đơn vị, địa phương sau khi rà soát, xác định tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh các đơn vị xác định chuyển nguồn và thực hiện theo cơ chế của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 là 205.177,97 triệu đồng, và phải hoàn thành tỷ lệ giải ngân đạt 100% trước ngày 31/12/2026¹.

Cùng với đó, năm 2026 là năm đầu triển khai Chương trình trong khi thời gian thực hiện chỉ còn chưa đầy 06 tháng, do đó việc ban hành Nghị quyết làm căn cứ để các địa phương thực hiện và giải ngân nguồn vốn giai đoạn 2026-2030 ngay sau khi được phân bổ.

Việc ban hành Nghị quyết được làm căn cứ xác định nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 để xây dựng Đề án tổng thể xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 657-TB/TU ngày 29/5/2026 về việc tập trung triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên².

¹ Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị Quyết số: 257/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11/12/2025

² Theo Thông báo số 657-TB/TU ngày 29/5/2026: Thời gian hoàn thành dự thảo Đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành trước ngày 15/7/2026; Rà soát, thống nhất mức hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát bảo đảm đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

Vì vậy, để đảm bảo tiến độ, thời hạn theo quy định của Trung ương và phù hợp với thực tiễn tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn là có cơ sở pháp lý và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Kỳ họp thứ năm (*kỳ họp thường lệ giữa năm 2026*).

Trên đây là Tờ trình đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở DT&TG;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Huynhpx/2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Quang Nhất

PHỤ LỤC
ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên văn bản đăng ký	Sự cần thiết ban hành	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc cơ quan trình	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ban hành	Ghi chú
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	1. Cơ sở pháp lý: Tại các văn bản pháp lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính trong quy định cơ chế chính sách, đối tượng, phạm vi áp dụng hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép trong thực hiện Chương trình MTQG 417, cụ thể: - Tại tiết h, mục 1.4, khoản 1, phần V Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định: <i>“h) UBND cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, phân bổ và tổ chức thực hiện các nguồn lực (bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình. Căn cứ điều kiện thực tế và khả năng cân đối, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung, cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình từ nguồn vốn ngân sách địa phương theo quy định.”</i> - Tại Điều 4, 5 Thông tư số 02/2026/TT-BDTTG, ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định các vấn đề giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở và ổn định dân cư cho đồng bào DTTS&MN. Tuy nhiên	1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân sinh sống tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và mức hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 2. Đối tượng áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5, 6 Thông tư: số 02/2026/TT-BDTTG ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, cụ thể: 2.1. Hỗ trợ đất ở Các hộ không có đất ở, thiếu đất ở so với hạn mức quy định hoặc đã được hỗ trợ đất từ trước ngày 31/5/2021 nhưng đến nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức quy định, gồm: a) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Nghị định số	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kỳ họp thứ năm (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026)	

STT	Tên văn bản đăng ký	Sự cần thiết ban hành	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc cơ quan trình	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ban hành	Ghi chú
		văn bản này chưa hướng dẫn về mức hỗ trợ làm nhà ở, đất ở cho đối tượng thuộc Chương trình. - Tại Điều 6, Thông tư số 02/2026/TT-BD TTG ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn về quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết quy định “2. Nội dung, quy trình và nguồn vốn thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường”. Và tại Điều 13 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT quy định về hỗ trợ bố trí ổn định dân cư “Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNMT”. - Tại Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNMT dẫn chiếu Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hiện nay đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư số 60/2026/TT-BTC. Tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính không quy định mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép cho các đối tượng thuộc Chương trình. - Đến thời điểm hiện tại Trung ương chưa có văn bản quy định về mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép cho các đối tượng thụ hưởng Chương trình. - Căn cứ khoản 18 Điều 4 Thông tư số 60/2026/TT-TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính quy định:	272/2025/NĐ-CP; ưu tiên hộ thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong 36 tháng kể từ thời điểm được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo, hộ sinh sống tại khu vực có nguy cơ thiên tai, sạt lở, thiếu an toàn về đất ở; b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. 2.2. Hỗ trợ nhà ở Các hộ chưa có nhà ở, nhà ở bị dột nát, hư hỏng hoặc đã được hỗ trợ nhà ở nhưng đến nay không còn nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng, gồm: a) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; d) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan .				

STT	Tên văn bản đăng ký	Sự cần thiết ban hành	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc cơ quan trình	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ban hành	Ghi chú
		<i>“18. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ, nội dung, mức chi chưa được quy định tại các văn bản hiện hành và tại Thông tư này, căn cứ hướng dẫn của chủ Chương trình và chủ nội dung thành phần, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc phân cấp quyết định nội dung và mức chi cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.”</i> 2. Cơ sở thực tiễn - Hiện nay Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên chưa ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, ổn định dân cư thuộc Chương trình MTQG 417 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương và thời hạn thực hiện kéo dài sang năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh là 205.177,97 triệu đồng, số vốn này được tiếp tục thực hiện theo cơ chế của Chương trình giai đoạn 2026-2030 và phải hoàn thành tỷ lệ giải ngân đạt 100% trước ngày 31/12/2026. - Cùng với đó, năm 2026 là năm đầu triển khai Chương trình MTQG 417, trong khi thời gian thực hiện chỉ còn chưa đầy 06 tháng (đến ngày 31/12/2026). Việc ban hành Nghị quyết làm căn cứ để	2.3. Hỗ trợ bố trí ổn định dân cư Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện được bố trí ổn định theo hình thức xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: a) Hộ đồng bào DTTS còn du canh, du cư; b) Hộ gia đình, cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; c) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư; d) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước. đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.				

STT	Tên văn bản đăng ký	Sự cần thiết ban hành	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc cơ quan trình	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ban hành	Ghi chú
		các địa phương thực hiện và giải ngân nguồn vốn giai đoạn 2026-2030 ngay sau khi được phân bổ. - Việc ban hành định mức còn làm căn cứ xác định nguồn lực từ Chương trình để xây dựng Đề án tổng thể xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 657-TB/TU ngày 29/5/2026 về việc tập trung triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên áp dụng theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật.					